



1369
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 1369
1369 CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY
Số: 41/CBTT-C69.2025
No: 41/CBTT-C69.2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2025
Hai Phong, October 29th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

To: - The State Securities Commission;

- HaNoi Stock Exchange.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất quý 3 năm 2025 như sau:

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance guiding information disclosure in the securities market, Construction Joint Stock Company 1369 hereby discloses the Consolidated Financial Statements for the Third Quarter of 2025 as follows:

1. Tên công ty/ Name of company: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369/ 1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: C69.
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of headoffice*: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng/ *No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong city.*

- Điện thoại/ *Telephone*: 0220.3891.898

- Email: cpxd1369@1369.vn

- Website: <https://cpxd1369.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Disclosed information

- **BCTC hợp nhất quý 3 năm 2025/ Consolidated Financial Statements for the Third Quarter of 2025**

☐ **BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc) / Separate Financial Statements (for listed companies without subsidiaries and for superior accounting units with affiliated units)**

☒ **BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con) / Consolidated Financial Statements (for listed companies with subsidiaries)**

☐ **BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) / Combined Financial Statements (for listed companies with affiliated accounting units that maintain separate accounting systems)**

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/Cases requiring explanations:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ *The audit firm issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for the 2025 audited financial statements):*

☐ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:/ Explanation document in case of a

☐ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):/ *Net profit after tax in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or changes from loss to profit or vice versa (for the 2025 audited financial statements):*

☐ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:/ *Net profit after corporate income tax in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year*

☒ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:/ Explanation document in case of a:

☒ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:/ *Net profit after tax in the reporting period incurs a loss, changing from profit in the same period of the previous year to a loss in the current period or vice versa*

☐ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:/ Explanation document in case of a:

☐ **Có/Yes**

☐ **Không/No**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2025 tại đường dẫn: <https://cpxd1369.com.vn/tai-lieu/bao-cai-tai-chinh/>. This information has been published on the company's website on 29/10/2025 at the link: <https://cpxd1369.com.vn/tai-lieu/bao-cai-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./ *We hereby certify that the disclosed*

information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất quý 3 năm 2025
Consolidated Financial Statements for
the Third Quarter of 2025
- Văn bản giải trình số: 80/CVGT-
C69.25/
Explanation document No.: 80/CVGT-
C69.25

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN THỊ THUÝ
NGUYEN THI THUY



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 1369
1369 CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**
Số: 80/ CVGT-C69.25
No: 80/ CVGT-C69.25

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2025
Hai Phong, October 29th, 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

To: - *The State Securities Commission;*
- *HaNoi Stock Exchange;*
- *Dear shareholders.*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369/ *Name of company :1369 CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY*

2. Mã chứng khoán: C69/ *Stock symbol: C69*

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng/ *Address of headoffice: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong city.*

4. Điện thoại: 0220.3891.898/ *Telephone: 0220.3891.898*

5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thuý – Phó Tổng Giám đốc
Person responsible for disclosure: Mrs. Nguyen Thi Thuy - Deputy General Director

6. Loại thông tin công bố: định kỳ/ *Type of disclosed information: Periodic.*

7. Nội dung công bố thông tin/ *Disclosed information content:*

7.1 Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 được lập ngày 29/10/2025 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính./ *Consolidated Financial Statements for the Third Quarter of 2025 of Construction Joint Stock Company 1369 were prepared on 29/10/2025, including the Balance Sheet, Income Statement, Cash Flow Statement, and Notes to the Financial Statements.*

7.2 Nội dung giải trình: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN tại Kỳ báo cáo quý 3 năm 2025 so với kỳ báo cáo quý 3 năm 2024/ *Explanation of the differences in corporate income tax net profit in the financial reporting period of the third quarter of 2025 compared to the financial reporting period of the third quarter of 2024.*

ĐV: VNĐ

STT	Các chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Quý 3 năm 2024 <i>The Third Quarter 2024</i>	Quý 3 năm 2025 <i>The Third Quarter 2025</i>	Biến động <i>Change</i>	
				Giá trị <i>Value</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Revenue from sales and service provision</i>	286.430.240.083	172.180.446.059	(114.249.794.024)	- 39,9%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ <i>Consolidated profit after tax</i>	1.828.716.213	7.288.563.085	5.459.846.872	+ 298,6%

Nguyên nhân/Reasons:

- Doanh thu thuần hợp nhất Quý III/2025 đạt 172,2 tỷ đồng, giảm 39,9% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do mảng kinh doanh ô tô của công ty con sụt giảm doanh thu trong bối cảnh thị trường ô tô trong nước chững lại, đồng thời Công ty điều chỉnh cơ cấu doanh thu, giảm tỷ trọng hoạt động thương mại có biên lợi nhuận thấp.

- Tuy nhiên, mảng bất động sản và xây dựng trong Nhóm Công ty vẫn duy trì kết quả ổn định với biên lợi nhuận gộp cao. Bên cạnh đó, chi phí tài chính tại các công ty con giảm nhờ tối ưu cơ cấu vốn và kiểm soát chi phí lãi vay, giúp lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm Công ty tăng 5,5 tỷ đồng, tương ứng 298,6% so với cùng kỳ năm trước. Biến động này phản ánh hiệu quả tích cực trong công tác quản trị, cơ cấu lại hoạt động và định hướng kinh doanh bền vững của Công ty trong năm 2025.

- Consolidated net revenue for Q3/2025 reached VND 172.2 billion, down 39.9% compared to the same period in 2024. The main reason was the decline in revenue from the automobile business segment of the subsidiary, due to the stagnation of the domestic car market. In addition, the Company adjusted its revenue structure, reducing the proportion of low-margin trading activities.

- However, the real estate and construction segments within the Group maintained stable performance with high gross profit margins. Moreover, financial expenses at subsidiaries decreased thanks to capital structure optimization and effective control of interest expenses, resulting in a VND 5.5 billion increase in consolidated net profit after tax, equivalent to 298.6% compared to the same period last year. This fluctuation reflects the positive impact of effective management, business restructuring, and the Company's sustainable business orientation in 2025.


Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/10/2025 tại đường dẫn: <http://www.cpxd1369.com.vn/> This information has been published on the company's website on 29/10/2025 at the link: <http://www.cpxd1369.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information. *gh*

Nơi nhận:/ Recipients:

- Như kính gửi/As stated above
- Lưu VT/Filed in the archives

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN THỊ THUY
NGUYEN THI THUY

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY



CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

FOR Q3/2025

*Hai Phong,
October 29, 2025*



LIST

CONTENT	PAGE
1. BALANCE SHEET	1-3
2. STATEMENT OF PROFIT AND LOSS	4-5
3. CASH FLOW STATEMENT	6-7
4. NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	8-31

Balance sheet
as of September 30, 2025

Unit: VND

Items	Code	Notes	End of period 30/09/2025	Beginning of period 01/01/2025
A - CURRENT ASSETS	100		1.339.834.564.506	1.056.130.757.548
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	42.262.947.119	38.860.091.232
1. Cash	111		42.262.947.119	13.860.091.232
2. Cash equivalents	112		-	25.000.000.000
II. Short-term financial investments	120		34.731.000.000	213.351.000.000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provision for devaluation of trading securities (*)	122		-	-
3. Held to maturity investment	123	V.2a	34.731.000.000	213.351.000.000
III. Short-term receivables	130		295.312.155.129	241.582.402.234
1. Short-term trade receivables	131	V.3	25.368.404.943	56.681.243.912
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	9.469.520.452	38.865.372.588
3. Short-term intercompany receivables	133		-	-
4. Receivables based on construction contract progress	134		-	-
5. Receivables from short-term loans	135	V.5	182.400.000.000	58.000.000.000
6. Other short-term receivables	136	V.6a	78.074.229.734	88.035.785.734
7. Provision for Short-term bad debts (*)	137		-	-
8. Assets awaiting disposal	139		-	-
IV. Inventories	140		964.708.479.099	560.561.959.791
1. Inventories	141	V.7	964.708.479.099	560.561.959.791
2. Provision for impairment of inventory (*)	149		-	-
V. Other current assets	150		2.819.983.159	1.775.304.291
1. Short-term prepaid expenses	151		956.079.863	358.939.353
2. Deductible VAT	152		1.859.885.597	1.415.880.638
3. Taxes and other receivables from the State Treasury	153	V.13	4.017.699	484.300
4. Government bond repurchase transactions	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-
B - NON-CURRENT ASSETS	200		249.280.619.397	135.458.520.920
I. Long-term receivables	210		19.465.000.000	18.900.000.000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Business capital at subsidiaries and associates	213		-	-
4. Long-term intercompany receivables	214		-	-
5. Receivables from long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.6b	19.465.000.000	18.900.000.000
7. Provision for long-term bad debts (*)	219		-	-
II. Fixed assets	220		29.398.663.783	34.478.233.245
1. Tangible fixed assets	221	V.8	29.095.330.461	34.069.899.920
Historical cost	222		97.278.327.589	104.691.052.207
Accumulated depreciation (*)	223		(68.182.997.128)	(70.621.152.287)
2. Finance leased assets	224		-	-
Historical cost	225		-	-

Accumulated depreciation (*)	226		-	-
3. Intangible assets	227	V.9	303.333.322	408.333.325
Historical cost	228		919.000.000	919.000.000
Accumulated depreciation (*)	229		(615.666.678)	(510.666.675)
III. Investment properties	230	V.10	875.000.024	1.203.125.021
Historical cost	231		3.500.000.000	3.500.000.000
Accumulated depreciation (*)	232		(2.624.999.976)	(2.296.874.979)
IV. Long-term assets in progress	240		1.930.659.355	1.232.159.355
1. Long-term Work in process	241		-	-
2. Construction- in - progress	242		1.930.659.355	1.232.159.355
V. Long-term financial investments	250		193.637.119.982	75.333.302.416
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures, associates	252	V.2b	51.837.119.982	37.833.302.416
3. Investments in other entities	253	V.2c	141.800.000.000	37.500.000.000
4. Provision for devaluation of long-term financial investments (*)	254		-	-
5. Held to maturity investment	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		3.974.176.253	4.311.700.883
1. Long-term prepaid expenses	261		778.953.977	1.010.727.488
2. Deferred tax assets	262		439.047.945	234.729.452
3. Long- term components and spare parts	263		-	-
4. Other non- current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		2.756.174.331	3.066.243.943
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		1.589.115.183.903	1.191.589.278.468
C - LIABILITIES	300		701.033.249.744	341.836.847.005
I. Current liabilities	310		700.307.385.201	341.366.847.005
1. Short-term trade payables	311	V.11	62.880.204.526	45.267.564.779
2. Short-term advances from customers	312	V.12	30.837.680.391	12.625.156.755
3. Taxes and amounts payable to the State	313	V.13	381.981.587.642	9.577.567.768
4. Payables to employees	314		1.140.002.008	1.922.455.612
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	496.724.844	3.712.858.607
6. Short-term intercompany payables	316		-	-
7. Payables based on construction contract progress	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318	V.15	7.200.122.785	-
9. Other short-term payables	319	V.16	43.908.702.906	233.888.817
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.17a	171.498.956.229	267.862.550.797
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Reward and welfare funds	322	V.18	363.403.870	164.803.870
13. Price stabilization funds	323		-	-
14. Government bond repurchase transactions	324		-	-
II. Long-term liabilities	330		725.864.543	470.000.000
1. Payables to suppliers (long-term)	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Payables to inter-company working capital	334		-	-
5. Long-term intercompany payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.17b	272.000.000	470.000.000
9. Convertible bonds	339		-	-

10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		453.864.543	
12. Provisions for long- term payables	342		-	-
13. Scientific and technological development fund	343		-	-
D - EQUITY	400	V19	888.081.934.159	849.752.431.463
I. Owner's equity	410		888.081.934.159	849.752.431.463
1. Owner's equity contributions	411		617.999.720.000	617.999.720.000
Common shares with voting rights	411a		617.999.720.000	617.999.720.000
Preferred shares	411b		-	-
2. Share premium	412		-	-
3. Convertible bond options	413		-	-
4. Other owner's equity	414		-	-
5. Treasury shares (*)	415		-	-
6. Revaluation surplus	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		3.000.000.000	2.500.000.000
9. Business restructuring support fund	419		-	-
10. Other equity funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		87.664.105.856	51.733.500.353
10. Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		50.333.500.353	51.733.500.353
11. Retained earnings of the current period	421b		37.330.605.503	
12. Capital sources for construction investment	422		-	
13. Non-controlling interests	429		179.418.108.303	177.519.211.110
II. Other sources of funds and funds	430		-	-
1. Fund sources	431		-	-
2. Fund sources that formed fixed assets	432		-	-
TOTAL EQUITY (440 = 300 + 400)	440		1.589.115.183.903	1.191.589.278.468

Prepared by



Pham Ngoc Diep

Chief Accountant



Tran Thi Tuyet

Hai Phong, October 29, 2025

Chief Executive Officer



Le Tuan Nghia

1369 Construction Joint Stock Company

Address: No. 37, 38, Da Tuong Street, Le Thanh Nghi Ward
Hai Phong City

Form No. B02-DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC

dated December 22, 2014, of the Ministry of Finance)

STATEMENT OF PROFIT AND LOSS

(as of September 30, 2025)

Unit: VND

Items	Code	Notes	Current period	Previous period	Year-to-date accumulated as of the end of this period	Year-to-date accumulated as of the end of last period
1. Revenue from sales of goods and provision of services	1	V1.1	172.180.446.059	286.430.240.083	601.451.757.928	687.306.183.043
2. Revenue deductions	2		-	-	-	-
3. Net revenue from sales of goods and provision of services (10 = 01 - 02)	10		172.180.446.059	286.430.240.083	601.451.757.928	687.306.183.043
4. Cost of goods sold	11	V1.2	156.160.751.238	276.000.306.363	551.039.597.401	651.258.145.782
5. Gross profit from sales of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		16.019.694.821	10.429.933.720	50.412.160.527	36.048.037.261
6. Financial income	21	V1.3	3.210.907.115	3.494.074.624	29.248.039.167	13.808.140.507
7. Financial expenses	22	V1.4	3.111.802.531	3.613.401.131	10.166.372.214	13.653.248.215
Of which: Loan Interest expenses	23		2.879.369.972	3.277.604.198	9.562.299.837	12.956.559.388
8. Share of profit/loss from joint ventures and associates	24	V.2b	493.903.504	(664.950.874)	1.111.266.718	(308.054.948)
9. Selling expenses	25	V1.5	1.787.903.517	1.569.866.747	5.465.953.326	4.916.146.607
10. Administrative expenses	26	V1.6	5.493.852.411	4.727.866.805	15.581.229.105	13.733.468.081
11. Net Operating profit {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + 24}	30		9.330.946.981	3.347.922.787	49.557.911.767	17.245.259.917
12. Other income	31		15.162.969	59.071.336	390.035.537	161.212.636
13. Other expenses	32		89.208.327	331.765.637	220.490.640	865.810.825
14. Other profit (40 = 31 - 32)	40		(74.045.358)	(272.694.301)	169.544.897	(704.598.189)
15. Total accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		9.256.901.623	3.075.228.486	49.727.456.664	16.540.661.728

16. Current corporate income tax expense	51	1.840.654.389	1.407.468.832	10.248.407.918	4.876.833.631
17. Deferred corporate income tax expense	52	127.684.149	(160.956.559)	249.546.050	(437.903.335)
18. Profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60	7.288.563.085	1.828.716.213	39.229.502.696	12.101.731.432
19. Profit attributable to the parent company	61	6.311.753.843	1.075.425.439	37.330.605.503	9.886.315.791
20. Profit attributable to non-controlling interests	62	976.809.242	753.290.774	1.898.897.193	2.215.415.641
21. Basic earnings per share (*)	70	-	-	-	-
22. Diluted earnings per share (*)	71	-	-	-	-

Prepared by



Pham Ngoc Diep

Chief Accountant



Tran Thi Tuyet

Hai Phong, October 29, 2025

Chief Executive Officer



Le Tuan Nghia

1369 Construction Joint Stock Company

Address: No. 37, 38, Da Tuong Street, Le Thanh Nghi Ward
Hai Phong City

Form No. B03-DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014, of the Ministry of Finance)

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method) (*)
(As of September 30, 2025)

Unit: VND

Items	Code	Note	Year-to-date accumulated as of the end of current period	Year-to-date accumulated as of the end of previous period
1. Profit before tax	1		49.727.456.664	16.540.661.728
2. Adjustments for:			-	-
Depreciation of fixed assets and investment properties	2	V.08-10	6.761.474.991	6.564.449.956
Provisions	3		-	-
Exchange rate gains and losses due to the revaluation of foreign currency-denominated monetary items	4		(37.554)	218.129
Gains and losses from investment activities	5		(27.253.151.051)	(9.651.171.744)
Interest expense	6		9.562.299.837	12.956.559.388
Other adjustments	7		-	-
3. Profit from operating activities before changes in working capital	8		38.798.042.887	26.410.717.457
Increase/decrease in receivables	9		44.813.914.672	262.372.112.570
Increase/decrease in inventories	10		(404.146.519.308)	(116.011.151.945)
Increase/decrease in payables (excluding interest payables and income tax payables)	11		445.758.809.721	(47.732.775.213)
Increase/decrease in prepaid expenses	12		(365.366.999)	430.044.804
Increase/decrease in trading securities	13		-	-
Interest paid	14		(10.222.986.495)	(13.119.549.020)
Income taxes paid	15	V.13	(6.683.248.216)	(5.082.246.793)
Other cash receipts from operating activities	16		-	-
Other cash payments for operating activities	17		(101.400.000)	(350.860.000)
Net cash flow from operating activities	20		107.851.246.262	106.916.291.860
II. Cash Flow from Investing Activities			-	-
1. Payments for purchasing or constructing fixed assets and other long-term assets	21		(2.160.247.273)	(6.178.051.976)
2. Proceeds from the sale or disposal of fixed assets and other long-term assets	22		736.983.165	699.090.909
3. Cash flows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(288.521.000.000)	(305.511.000.000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		342.741.000.000	328.796.935.000
5. Cash flows for investing in other entities	25		(161.000.000.000)	(66.450.000.000)
6. Withdrawals of investments in other entities	26		89.620.000.000	65.362.375.000
7. Interests earned, dividends and profits received	27		10.696.430.747	10.021.235.431
Net cash flow from investing activities	30		(7.886.833.361)	26.740.584.364
III. Cash Flows from Financing Activities			-	-
1. Proceeds from issuing shares, receiving capital contributions from owners	31		-	-
2. Payments to return capital to owners and repurchase shares issued by the company	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33		415.957.704.025	751.308.424.822

4. Payments for loan principal repayments	34		(512.519.298.593)	(861.997.265.970)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		-	-
7. Cash received from contributions by non-controlling shareholders	37		-	-
Net cash flow from financing activities	40		(96.561.594.568)	(110.688.841.148)
Net cash flow for the period (50 = 20+30+40)	50		3.402.818.333	22.968.035.076
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	V.1	38.860.091.232	28.449.161.922
Effect of fluctuations in foreign exchange rates	61		37.554	(218.129)
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50+60+61)	70	V.1	42.262.947.119	51.416.978.869

Hai Phong, October 29, 2025

Prepared by

Chief Accountant

Chief Executive Officer



Pham Ngoc Diep



Tran Thi Tuyet



Le Tuan Nghia

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025***NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR Q3/2025****I. Characteristics of Operations****1. Form of Capital Ownership**

1369 Construction Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") is a joint-stock company.

2. Business Sectors

The Company's business sectors include construction, trading, service and real estate business

3. Business Activities

The Company's main business activities include:

- Construction of industrial and irrigation projects;
- Wholesale of processed stone minerals;
- Renting and leasing construction machinery and equipment;
- Real estate business and leasing of investment properties;
- Import and export, and general trading activities.

4. Normal Production and Business Cycle

The Company's normal production and business cycle does not exceed 12 months

5. Company's group structure

The Group comprises the Parent Company and four subsidiaries, all of which are under the control of the Parent Company. These subsidiaries have been fully consolidated in the accompanying consolidated financial statements.

5a. List of Consolidated Subsidiaries

Company's name	Headquarters Address	Business activities	Interest rate		Voting rights percentage	
			End of year	Beginning of year	End of year	Beginning of year
1369 Industrial Park Joint Stock Company	Hamlet 7, Giao Binh Commune, Ninh Binh Province	Construction, trading and services	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Dong A Consulting and Construction Co., Ltd.	No 50 Hoang Ngan street, Kinh Bac Ward, Bac Ninh province	Real estate development, consulting, and business	78,00%	78,00%	78,00%	78,00%
Toan Thang Co., Ltd.	No 245A Nguyen Luong Bang Street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong City	Automobile and other motor vehicle dealerships	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Joint Stock Company for the Development of New Urban Area	Group 4, Bac Gia Nghia Ward, Lam Dong Province	Real estate business	62,30%	62,30%	70,00%	70,00%

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

Company's name	Headquarters Address	Business activities	Interest rate		Voting rights percentage	
			End of year	Beginning of year	End of year	Beginning of year
Project, Group 4, Nghia Duc Ward						

5b. List of Associates Reflected in the Consolidated Financial Statements Using the Equity Method

Company's name	Headquarters Address	Main Business activities	Interest rate		Voting rights percentage	
			End of year	Beginning of year	Company's name	Headquarters Address
Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company	Viet Hung Ward, Quang Ninh Province	Manufacturing building materials from clay	42,09%	42,09%	42,09%	42,09%
Sunfeel Vietnam Joint Stock Company	Phu Hoi Industrial Zone, Duc Trong Commune, Lam Dong Province	Silk production	35,00%	-	35,00%	-
1369 Investment Consulting and Trading Joint Stock Company	No. 19, Lot A25, Street No. 02, An Cuu City, An Cuu Ward, Hue City	Real estate	45,00%	-	45,00%	-

6. Statement on the Comparability of Information in the Financial Statements

The corresponding figures for the previous period are comparable with the figures for the current period.

II. REPORTING PERIOD, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING**1. Fiscal year**

The company's fiscal year begins on January 1st and ends on December 31st each year.

2. Accounting currency

The currency unit used in accounting is the Vietnamese Dong (VND), as most transactions are conducted in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND REGULATIONS APPLIED**1. Accounting Regulations Applied**

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, as well as the guiding circulars for implementing the accounting standards issued by the Ministry of Finance in preparing and presenting the consolidated financial statements..

2. Statement on Compliance with Accounting Standards and Regulations

The Board of General Directors ensures compliance with the requirements of the Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System, as issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21,

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

2016, and the guiding circulars for implementing the accounting standards by the Ministry of Finance in preparing and presenting the consolidated financial statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES APPLIED

1. Basis of Preparing Consolidated Financial Statements

The financial statements are prepared based on the accrual basis of accounting (except for cash flow information).

2. Basis of Consolidation

The consolidated financial statements include the consolidated financial statements of the parent company and the financial statements of the subsidiaries. A subsidiary is an entity controlled by the parent company. Control exists when the parent company has the ability, directly or indirectly, to govern the financial and operating policies of the subsidiary in order to obtain benefits from its activities. When determining control, consideration is given to potential voting rights arising from options or convertible debt instruments and equity instruments that could be converted into common shares at the end of the fiscal year.

The results of operations of subsidiaries acquired or disposed of during the year are presented in the consolidated statement of profit or loss from the date of acquisition or until the date of disposal of the investment in that subsidiary.

The parent company and subsidiaries use the same accounting policies and prepare financial statements for the same accounting period, applying consistent accounting policies to similar transactions and events under similar circumstances. In the case of differences in accounting policies between the parent company and a subsidiary, the financial statements of the subsidiary will be adjusted accordingly before being used for consolidation.

Balances in accounts on the consolidated balance sheet between companies within the group, intercompany transactions, and unrealized intercompany profits arising from such transactions must be fully eliminated. Unrealized losses arising from intercompany transactions are also eliminated unless the cost resulting in the loss is not recoverable.

The interests of non-controlling shareholders represent the share of profits or losses in the net assets of the subsidiary that is not held by the group and are presented as a separate line item in the consolidated statement of profit or loss and on the consolidated balance sheet (under equity). The interests of non-controlling shareholders include the value of their interests at the initial consolidation date and their share of movements in equity since the business combination date. Losses incurred by the subsidiary are allocated to the non-controlling interest in proportion to their ownership interest, even when the loss exceeds the non-controlling interest's share of the subsidiary's net assets.

3. Foreign Currency Transactions

Transactions in foreign currencies are converted at the exchange rate at the transaction date. Monetary items denominated in foreign currencies at the end of the financial year are translated at the exchange rate on that date.

Foreign exchange differences arising during the year from foreign currency transactions are recognized as financial income or financial expenses. Exchange differences from the revaluation of foreign currency-denominated monetary items at the end of the financial year, after netting off the increase and decrease differences, are recognized as financial income or financial expenses.

The exchange rate used for converting foreign currency transactions is the actual transaction rate at the time of the transaction. The actual transaction exchange rate for foreign currency transactions is determined as follows:

- For foreign currency purchase and sale contracts (spot contracts, forward contracts, futures contracts, options contracts, swap contracts): the exchange rate stated in the foreign exchange purchase or sale agreement between the group and the bank.
- For receivables: the foreign currency buying rate of the commercial bank where the group designates the customer to make the payment at the time the transaction occurs.

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

- For payables: the foreign currency selling rate of the commercial bank where the group intends to transact at the time the transaction occurs.

- For transactions involving the immediate purchase of assets or expenses paid in foreign currency (not through accounts payable): the foreign currency buying rate of the commercial bank where the group makes the payment.

The exchange rate used to revalue the balances of foreign currency-denominated monetary items at the end of the financial year is determined as follows:

- For foreign currency deposits in banks: the foreign currency buying rate of the bank where the group holds foreign currency accounts.

- For foreign currency-denominated monetary items classified as other assets: the foreign currency buying rate of Vietcombank (the bank the group frequently transacts with).

- For foreign currency-denominated monetary items classified as payables: the foreign currency selling rate of the bank where the group transacts.

4. Cash and Cash Equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits with banks. Cash equivalents are short-term investments that are due to be collected within 3 months from the investment date, easily convertible to a known amount of cash, and subject to no significant risk of changes in value at the reporting date.

5. Financial investments

Held-to-Maturity Investments

Investments are classified as held-to-maturity when the Company has the intention and ability to hold them until maturity. Held-to-maturity investments include only fixed-term bank deposits. Interest income from fixed-term bank deposits is recognized in the income statement on an accrual basis.

Loans

Loans are recognized at their original value, less provisions for doubtful receivables. Provisions for doubtful receivables related to loans are made based on the estimated loss that may occur.

Investments in Associated Companies

An associated company is an entity in which the Group has significant influence but does not control the financial and operating policies. Significant influence is evidenced by the ability to participate in decisions regarding financial and operating policies of the investee, but without controlling those policies.

Investments in associated companies are recognized using the equity method. Under this method, the investment in an associated company is shown in the consolidated financial statements at the initial investment cost, adjusted for changes in the Group's share of the investee's net assets after the investment date. If the Group's share of the associate's losses exceeds or equals the carrying value of the investment, the investment value is presented in the consolidated financial statements as zero, unless the Group has obligations to make payments on behalf of the associated company.

The financial statements of the associated company are prepared for the same accounting period as the Group's consolidated financial statements. When the accounting policies of the associated company differ from the Group's consistent policies, appropriate adjustments are made to the financial statements of the associated company before consolidation.

Unrealized gains or losses from transactions with associated companies are eliminated to the extent of the Group's interest when preparing the consolidated financial statements.

Investments in Equity Instruments of Other Entities

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

Investments in equity instruments of other entities include investments in equity securities where the Group does not have control, joint control, or significant influence over the investee.

Investments in equity instruments are initially recognized at cost, including the purchase price or contribution amount, plus any directly attributable costs of the investment. Dividends from periods before the investment was made reduce the carrying amount of the investment. Dividends from periods after the investment is made are recognized as revenue. Dividends received in the form of additional shares are only recorded as an increase in the number of shares, not as the value of the shares received.

Provisions for impairment of investments in equity instruments are made as follows: For investments where the fair value cannot be determined at the reporting date, the provision is based on the investee's losses, with the provision calculated as the difference between the actual contribution of the parties in the other entity and the actual equity, multiplied by the Group's share of the total contributions in the other entity.

Any increase or decrease in the provision for impairment of investments in equity instruments at the year-end is recognized as a financial expense.

6. Receivables

Receivables are presented at their book value, less provisions for doubtful debts.

Receivables are classified as receivables from customers and other receivables based on the following principles:

- Receivables from customers reflect trade receivables arising from buying and selling transactions between the Company and independent buyers.
- Other receivables reflect non-trade receivables unrelated to buying and selling transactions.

Provisions for doubtful debts are established for each doubtful receivable after offsetting with any payable (if applicable). The provision level is based on the aging of overdue debts or the estimated loss that may occur, as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the value for receivables overdue from over 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value for receivables overdue from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value for receivables overdue from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value for receivables overdue from 3 years and above.
- For receivables that have not yet matured but are expected to be difficult to recover: the provision is based on the estimated loss.

Any increase or decrease in the provision for doubtful debts at the end of the reporting period is recorded as administrative expenses

7. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

The cost of inventories is determined as follows:

- Raw materials and goods: include purchase costs and other directly related costs incurred to bring the inventories to their current location and condition.
- Work-in-progress: includes the cost of raw materials, labor costs, and other directly related costs.

The cost of goods sold is calculated using the weighted average method and is accounted for using the periodic inventory system.

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

Net realizable value is the estimated selling price of the inventory in the ordinary course of business, less estimated costs to complete and the estimated necessary costs to sell the inventory.

A provision for inventory write-down is made for each item where the cost exceeds the net realizable value. Any increase or decrease in the provision for inventory write-downs at the end of the reporting period is recognized as cost of goods sold.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at their cost less accumulated depreciation. The cost of tangible fixed assets includes all expenses that the company must incur to acquire the asset and bring it into a state of readiness for use. Costs incurred after initial recognition are only added to the cost of the tangible fixed asset if these costs are certain to increase future economic benefits from the use of the asset. Costs that do not meet these conditions are recognized as production or business expenses for the period.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, the cost and accumulated depreciation are written off, and any resulting gain or loss from disposal is recognized as income or expense for the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method based on their estimated useful life. The depreciation periods for various types of tangible fixed assets are as follows:

<u>Types of Tangible fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 – 25
Machinery and equipment	03 – 15
Transport and transmission vehicles	05 – 10
Management equipment	03 – 06

9. Intangible Fixed Assets

Intangible fixed assets are presented at cost less accumulated amortization.

The cost of intangible fixed assets includes all costs that the Group incurs to acquire the asset until the asset is ready for use. Costs related to intangible fixed assets incurred after initial recognition are recognized as production and operating expenses for the period unless these costs are associated with a specific intangible fixed asset and increase the economic benefits from these assets.

When an intangible fixed asset is sold or disposed of, its cost and accumulated amortization are removed from the books, and any gain or loss arising from the disposal is recognized in income or expense for the year.

The Group's intangible fixed assets consist of computer software programs. Costs related to computer software programs that are not an integral part of related hardware are capitalized. The cost of the computer software is the total amount the Group has spent until the software is ready for use. The software is amortized using the straight-line method over 5 years.

10. Investment Properties

Investment property is property owned by the company that is used to earn rental income. Investment property held for rental is stated at its cost less accumulated depreciation. The cost of investment property includes all expenses incurred by the company or the fair value of the exchange amounts to acquire the investment property, up to the time of purchase or completion of construction.

Costs related to investment property that arise after initial recognition are recognized as expenses, unless these costs are certain to increase the future economic benefits of the investment property

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

beyond the originally assessed level, in which case they are added to the cost of the investment property.

When investment property is sold, the cost and accumulated depreciation are written off, and any resulting gain or loss is recognized as income or expense for the period.

The transfer of property from owner-occupied property or inventory to investment property only occurs when the owner discontinues using the asset and starts renting it to others, or when the construction phase is completed. The transfer of investment property to owner-occupied property or inventory only occurs when the owner begins using the property or starts selling it. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventory does not affect the original cost or carrying value of the property at the time of the transfer.

Investment property held for rental is depreciated using the straight-line method based on the estimated useful life. The company's investment property is depreciated over 8 years.

11. Business Combination and Goodwill

Business combinations are accounted for using the acquisition method. The acquisition cost includes the fair value at the exchange date of the exchanged assets, liabilities that have been incurred or recognized, and equity instruments issued by the Group to obtain control of the acquired entity, along with any directly related costs of the business combination. Acquired assets, identifiable liabilities, and contingent liabilities assumed in the business combination are recognized at their fair value at the acquisition date.

Any excess of the acquisition cost over the Group's share in the fair value of identifiable net assets (assets and liabilities) and recognized contingent liabilities at the acquisition date is recognized as goodwill. If the Group's share of the fair value of identifiable net assets and liabilities exceeds the acquisition cost, the difference is recognized in the income statement.

Goodwill is amortized on a straight-line basis over 10 years. If there is evidence that goodwill has suffered impairment greater than the amortization, the impairment loss for the year is recognized.

The interest of non-controlling shareholders at the acquisition date is determined based on their share in the fair value of assets, liabilities, and contingent liabilities recognized.

12. Payables and Accruals

Payables and accrued expenses are recognized for amounts that are owed in the future related to goods and services that have been received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates of the amounts to be paid..

The classification of payables is as follows::

- Payables to Suppliers: These reflect payables arising from commercial transactions related to the purchase of goods, services, and assets, where the supplier is an independent entity from the company.
- Accrued Expenses: These reflect payables for goods and services received from suppliers or provided to buyers but not yet paid due to the absence of invoices or incomplete accounting documentation. They also include payables to employees for wages, vacation pay, and accrued production or business expenses that need to be accrued.
- Other Payables: These reflect non-commercial payables that are not related to the purchase, sale, or provision of goods and services.

13. Owner's Equity

Owner's Contributions

Owner's contributions are recognized based on the actual capital contributed by the shareholders.

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

14. Profit Distribution

After-tax profit is distributed to shareholders after allocating reserves as required by the company's charter, legal regulations, and approval by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profit to shareholders considers non-cash items within undistributed after-tax profits that may affect cash flow and the ability to pay dividends, such as profits from the revaluation of assets contributed as capital, profits from the revaluation of monetary items, financial instruments, and other non-cash items..

Dividends are recognized as payables when a decision or announcement to distribute dividends is made.

15. Revenue and Income Recognition

Revenue from Sale of Goods and Finished Products

Revenue from the sale of goods and finished products is recognized when all of the following conditions are met:

- The company has transferred most of the risks and rewards associated with the ownership of the goods or products to the buyer.
- The company no longer retains control over the goods or products, nor the ability to manage them as the owner would.
- The revenue is reasonably certain. If the contract allows the buyer the right to return goods under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer no longer has the right to return the goods (except in cases where the customer can return goods in exchange for other goods or services).
- The company has or will receive economic benefits from the sales transaction.
- The costs related to the sales transaction can be reliably determined.

Revenue from Service Provision

Revenue from service provision is recognized when all of the following conditions are met:

- The revenue is reasonably certain. If the contract stipulates that the buyer has the right to return the service under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer no longer has the right to return the service provided.
- The company has or will receive economic benefits from the service transaction.
- The portion of work completed at the reporting date can be determined.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be determined..

In cases where the service is performed over multiple periods, revenue is recognized in the period based on the results of the portion of work completed by the end of the accounting period.

Revenue from Real Estate Sales

Revenue from the sale of real estate in which the Group is the developer is recognized when all of the following conditions are met:

- The real estate has been fully completed and handed over to the buyer, and the Group has transferred the risks and benefits associated with ownership of the real estate to the buyer.
- The Group no longer retains control over the real estate as the owner or has any management rights over the property.
- The revenue can be reasonably determined.
- The Group has received or will receive economic benefits from the real estate transaction.
- The costs related to the real estate transaction can be determined.

In cases where the customer has the right to complete the interior of the real estate, and the Group has completed the interior work according to the design, model, and requirements of the customer

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

under a separate contract for interior completion, the revenue is recognized upon completion and handover of the shell of the building to the customer.

Interest Income

Interest income is recognized on the basis of time and the actual interest rate for each period.

Dividends and Profit Distribution

Dividends and profit distributions are recognized when the company is entitled to receive dividends or profit from capital contributions. Dividends received in the form of shares are only tracked in terms of the number of additional shares, and the value of the received shares is not recognized.

16. Construction Contracts

A construction contract is an agreement to build an asset or a group of assets that are closely related or dependent on each other in terms of design, technology, function, or basic purpose of use.

When the outcome of the contract can be reliably estimated:

For construction contracts where the contractor is paid based on the value of work performed, revenue and expenses related to the contract are recognized in accordance with the portion of work completed, as verified by the client and reflected in the issued invoices.

Changes in construction volume, compensation amounts, and other receipts are only recognized as revenue when agreed upon with the client.

When the outcome of the construction contract cannot be reliably estimated:

- Revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred, with recovery of those costs being reasonably certain.
- Contract costs are recognized as expenses when incurred.

17. Borrowing Costs

Borrowing costs include interest on loans and other costs directly related to borrowings.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. In cases where borrowing costs are directly related to the investment in the construction or production of qualifying assets that require a substantial period (more than 12 months) to be ready for use as intended or for sale, such costs are capitalized as part of the cost of the asset. For borrowings specifically used to construct fixed assets or investment properties, interest expenses are capitalized even if the construction period is less than 12 months. Income generated from the temporary investment of borrowings is deducted from the cost of the related asset.

18. Expenses

Expenses are amounts that reduce economic benefits and are recognized when the transaction occurs or when it is reasonably certain that an expense will occur in the future, regardless of whether payment has been made or not.

Expenses and the related revenue they generate must be recognized simultaneously under the matching principle. In cases where the matching principle conflicts with the prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards to ensure that the transaction is fairly and reasonably reflected.

19. Corporate Income Tax

Corporate income tax expense includes current income tax and deferred income tax.

Current Income Tax

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

Current income tax is the tax payable based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, as well as adjustments for non-taxable income and carried forward losses.

Deferred Income Tax

Deferred income tax is the income tax that will be payable or recoverable due to temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the tax bases used for income tax purposes. Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences. Deferred tax assets are recognized only when it is probable that taxable profits will be available in the future to utilize the temporary differences that can be deducted.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at the end of the financial year and will be reduced to the amount that is probable to be utilized based on available taxable profits. Deferred tax assets that have not been recognized previously are reviewed at the end of the financial year and are recognized when it is certain that sufficient taxable profits will be available to utilize the previously unrecognized deferred tax assets.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are determined based on the tax rates expected to apply in the year in which the asset is recovered or the liability is settled, based on the tax rates that are in effect at the end of the financial year. Deferred income tax is recognized in the profit and loss statement and is directly recorded in equity only when the tax relates to items recognized directly in equity.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when:

- The Group has a legal right to offset current tax assets against current tax liabilities; and
- The deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to income taxes levied by the same tax authority:
 - For the same taxable entity; or
 - The Group intends to settle the current income tax liabilities and recover current income tax assets on a net basis, or simultaneously, when the significant portions of deferred tax liabilities or assets are settled or recovered in future periods.

20. Related Parties

Parties are considered related if one party has the ability to control or significantly influence the other party in making financial and operational decisions. Parties are also considered related if they share joint control or significant mutual influence.

In considering the relationship of related parties, the substance of the relationship is given more importance than its legal form.

V. Explanatory for items in the balance sheet**1. Cash and Cash Equivalents**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash	33.420.501.938	10.349.148.226
Non-term Deposits	8.842.445.181	3.510.943.006
Cash Equivalents	-	25.000.000.000
Total	42.262.947.119	38.860.091.232

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

2a. Held-to-Maturity Investments

The held-to-maturity investments listed below are recorded at their original cost:

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Term deposits ⁽ⁱ⁾	10.338.000.000	165.000.000.000
Certificates of deposit ⁽ⁱⁱ⁾	24.393.000.000	48.351.000.000
Total	34.731.000.000	213.351.000.000

- (i) Term deposits with maturities of 6 months at banks, bearing interest rates ranging from 5.05% to 6.0% per annum.
- (ii) Certificates of deposit at VPBank SMBC Finance Co., Ltd. with maturities of 6 months, bearing interest rates from 6.1% to 6.7% per annum, all of which are pledged as collateral for bank loans.

2b. Investments in Subsidiaries

	Sunfeel Vietnam Joint Stock Company	1369 Investment and Trading Consulting Joint Stock Company	Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company	Hai Duong Agricultura l Electrical Engineerin g Joint Stock Company	Total
30/09/2025					
Original cost	15.000.000.000	27.000.000.000	10.000.000.000	-	52.000.000.000
Profit Arising After the Investment Date	14.340.280	(24.423.982)	(152.796.316)	-	(162.880.018)
Total	15.014.340.280	26.975.576.018	9.847.203.684	-	51.837.119.982
01/01/2025					
Original cost	-	-	10.000.000.000	28.800.000.000	38.800.000.000
Profit Arising After the Investment Date	-	-	(1.274.146.736)	307.449.152	(966.697.584)
Total	-	-	8.725.853.264	29.107.449.152	37.833.302.416

Details of the number of shares owned by the Group and the corresponding ownership percentage are as follows::

	30/09/2025		01/01/2025	
	Number of Shares	Ownership Percentage (%)	Number of Shares	Ownership Percentage (%)
Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company	1.000.000	42,09%	1.000.000	42,09%
Hai Duong Agricultural Electrical Engineering Joint Stock Company (i)	-	-	288.000	48,00%
Sunfeel Vietnam Joint Stock Company ⁽ⁱⁱ⁾	2.691.925	35,00%	-	-
1369 Investment and Trading Consulting	2.700.000	45,00%	-	-

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

	30/09/2025		01/01/2025	
	Number of Shares	Ownership Percentage (%)	Number of Shares	Ownership Percentage (%)
Joint Stock Company ⁽ⁱⁱⁱ⁾				

(i) During the period, the Group transferred its shares in Hai Duong Agricultural Electromechanical Joint Stock Company to Mr. Vuong Anh Tuan for a transfer value of VND 33,120,000,000, recording a gain of VND 4,012,550,848.

(ii) During the period, the Company acquired a capital contribution valued at VND 26,919,246,945 in Sunfeel Vietnam Co., Ltd. (equivalent to 35% of charter capital) for a transfer price of VND 15,000,000,000. Subsequently, Sunfeel Vietnam Co., Ltd. was converted into a joint stock company. As at the end of the reporting period, the Company holds 2,691,925 shares of Sunfeel Vietnam Joint Stock Company, equivalent to 35% of its charter capital.

(iii) According to Enterprise Registration Certificate No. 3301743692 dated May 21, 2025, issued by the Department of Finance of Hue City, 1369 Investment and Trading Consulting Joint Stock Company has a charter capital of VND 60,000,000,000. During the period, the Group invested VND 27,000,000,000, equivalent to 2,700,000 shares, representing 45% of the charter capital.

Value of the Group's ownership in the associated companies is as follows:

	Beginning Balance	Decrease from Liquidation	Increase During Period	Profit/(Loss) in the Year	Ending Balance
Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company	8.725.853.264	-	-	1.121.350.420	9.847.203.684
Hai Duong Agricultural Electrical Engineering Joint Stock Company	29.107.449.152	(29.107.449.152)	-	-	-
Sunfeel Vietnam Joint Stock Company	-	-	15.000.000.000	14.340.280	15.014.340.280
1369 Investment and Trading Consulting Joint Stock Company	-	-	27.000.000.000	(24.423.982)	26.975.576.018
Total	37.833.302.416	(29.107.449.152)	42.000.000.000	1.111.266.718	51.837.119.982

Operating Status of the Associated Companies

The associated companies are operating normally, with no significant changes compared to the previous year.

Transactions with Associated Companies

The key transactions between the Group and the associated companies are as follows:

	From 01/01/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/01/2024 to 30/09/2024 VND
<i>Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company</i>		

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

	From 01/01/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/01/2024 to 30/09/2024 VND
<i>company</i>		
Construction revenue	-	4.551.756.481
Interest from loans	348.767.123	375.342.465
Purchase of materials and goods	3.825.000	8.325.000
<i>Sunfeel Vietnam Joint Stock Company</i>		
Loan granted	32.400.000.000	-
Interest from loans	496.810.958	-
1369 Investment and Trading Consulting Joint Stock Company		
Capital contribution to associate company	27.000.000.000	-

2c. Investments in Other Entities

	30/09/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Nam Duong Industrial Park Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	37.500.000.000	-	37.500.000.000	-
Na Duong Brick and Tile Joint Stock Company ⁽ⁱⁱ⁾	10.800.000.000	-	-	-
Hai Duong Porcelain Real Estate Investment Joint Stock Company ⁽ⁱⁱⁱ⁾	68.300.000.000	-	-	-
Palmyland Joint Stock Company ^(iv)	25.200.000.00	-	-	-
Total	141.800.000.000	-	37.500.000.000	-

- (i) The Group holds 375,000 shares, representing 15.00% of the charter capital of Nam Duong Industrial Park Joint Stock Company.
- (ii) The Group holds 1,080,000 shares, representing 18.00% of the charter capital of Na Duong Brick and Tile Joint Stock Company.
- (iii) The Group holds 6,830,000 shares, representing 5.00% of the charter capital of Hai Duong Porcelain Real Estate Investment Joint Stock Company..
- (iv) The Group holds 2,520,000 shares, representing 15.00% of the charter capital of Palmyland Joint Stock Company.

Fair Value

The Group has not determined the fair value of these investments as there are no specific guidelines for determining the fair value.

Provision for Investment in Other Entities

The Group has not made any provision for investments in other entities.

3. Short-Term Accounts Receivable from Customers

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Receivables from Related Parties</i>	2.311.003.560	3.286.620.000
Quang Ninh Gieng Day construction ceramics joint stock company	2.311.003.560	3.286.620.000
<i>Receivables from Other Customers</i>	23.057.401.383	53.394.623.912
Van Ho District Investment and Construction Project	1.964.090.000	7.377.920.000

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Management Board		
Other Customers	21.093.311.383	46.016.703.912
Total	25.368.404.943	56.681.243.912
4. Short-term prepayment to suppliers		
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mrs Nguyen Thi Nguyen	-	20.000.000.000
Branch of Dong Hai Quang Ninh Construction Joint Stock Company – Thong Nhat Stone Enterprise	1.964.718.890	-
Office for Construction Consulting and Technology Transfer	1.473.700.000	1.473.700.000
Other suppliers	6.031.101.562	17.391.672.588
Total	9.469.520.452	38.865.372.588
5. Receivables from short-term loans		
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Receivables from Related Parties</i>	<i>65.400.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>
Quang Ninh Gieng Day Construction Ceramics Joint Stock Company	5.000.000.000	5.000.000.000
Sunfeel Vietnam Joint Stock Company	24.900.000.000	-
Mr Tran Xuan Ban	6.000.000.000	7.000.000.000
Ông Pham Van Thu	-	4.000.000.000
Mrs Nguyen Thi Thanh Hai	29.500.000.000	-
<i>Receivables from Other Organizations and Individuals</i>	<i>117.000.000.000</i>	<i>42.000.000.000</i>
Dat Viet Construction and Trade JSC	-	10.000.000.000
Mr Tran Van Truong	15.000.000.000	17.000.000.000
Mr Nguyen Van Hung	8.000.000.000	8.000.000.000
Mr Vuong Anh Tuan	30.000.000.000	-
Mr Nguyen Tien Dai	19.000.000.000	-
Mrs Vu Thi Nga	25.000.000.000	
Mr Nguyen Duc Toan	20.000.000.000	
Other Organizations and Individuals	-	7.000.000.000
Total	182.400.000.000	58.000.000.000
- Additional Information about Loans:		
- The loan to Gieng Day Quang Ninh Construction Ceramics Joint Stock Company is unsecured, provided to supplement working capital for production and business activities, with a term of 12 months and an interest rate of 8% per annum.		

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

- The loan to Sunfeel Vietnam Joint Stock Company is secured by its inventories, provided to supplement working capital for production and business activities, with a term of 9 months and an interest rate of 8% per annum.
- Loans to other organizations and individuals have terms ranging from 6 to 12 months and interest rates from 2% to 6% per annum. These loans are secured by the borrowers' assets.

6. Other receivables

6a. Other short term Receivables

	30/09/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Receivables from Related Parties	538.673.971	-	304.657.533	-
Mr. Tran Xuan Ban - Loan interest receivable	96.986.301	-	24.931.507	-
Mr. Pham Van Thu - Loan interest receivable	-	-	3.287.671	-
Quang Ninh Gieng Day Construction Ceramics JSC - Loan interest receivable	100.821.918	-	276.438.355	-
Sunfeel Vietnam Joint Stock Company- Loan interest receivable	340.865.752	-	-	-
Receivables from Other Organizations and Individuals	77.535.555.763	-	87.731.128.201	-
Receivables from trust ⁽ⁱ⁾	52.519.452.055	-	61.417.643.835	-
Advances ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Other deposits and guarantees	5.100.000.000	-	10.100.000.000	-
Accrued interest on deposits and loans	1.354.109.384	-	4.384.257.567	-
Other short-term receivables	3.561.994.324	-	6.829.226.799	-
Total	78.074.229.734	-	88.035.785.734	-

(i) Receivables (including principal and interest) under contracts and appendices on entrustment to individuals and organizations for sourcing land funds for project development, with a trust period of one year from the date of fund transfer, extendable upon mutual agreement, and an interest rate of 4-5% per annum during the investment holding period. If the entrusted target is achieved, the entrusted party will receive a commission of 1% based on the transacted land fund value.

(ii) Advance payments for the implementation of the Yen Chau Industrial Cluster Project in Giao Binh and Giao Hung Communes, Ninh Binh Province.

6b. Other Long-term Receivables

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Receivables from Other Organizations		
Deposit, collateral – Tan Hung Co., Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	18.900.000.000	18.900.000.000
Deposit, collateral – Dong Anh Co., Ltd ^(iv)	500.000.000	-
Other Deposit, collateral	65.000.000	-
Total	19.465.000.000	18.900.000.000

(iii) This is a deposit paid to Tan Hung Co., Ltd under the Memorandum of Agreement dated June 25, 2024, to secure the signing of a real estate brokerage contract for the Viet Hoa Western Industrial Cluster Project once the project meets the sales conditions. On June 27, 2025, the People's Committee of Hai Duong Province issued Decision No. 2686/QD-UBND approving the investment policy and the investor for the construction and infrastructure business project of the Viet Hoa Western Industrial Cluster, with Tan Hung Co., Ltd as the investor. The project covers an area of 599,413 m², with a total investment capital of VND 731,371,422,000, an operation term of 50 years, and a construction and operation period of 48 months from the date of investment policy approval.

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

- (iv) This is a deposit for asset leasing to Dong Anh Co., Ltd under the Asset Lease Contract No. 01/2024/HD/C69-DA dated December 12, 2024, with a lease term of 5 years to serve business operations.

7. Inventories

	30/09/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Goods in transit	-	-	2.275.731.136	-
Tools and Instruments	16.218.550.603	-	20.462.507.003	-
Work-in-progress production and business costs ⁽ⁱ⁾	869.873.913.526	-	452.827.820.934	-
Merchandise	78.616.014.970	-	84.995.900.718	-
Total	964.708.479.099	-	560.561.959.791	-

⁽ⁱ⁾ Details by projects and works as follows:

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Real Estate Project Thon Ca - Dong Coi - Bac Ninh		
(Land use rights, infrastructure, and shell construction costs)	41.877.044.612	75.295.355.044
Real Estate Project Ninh Xa - Bac Ninh	8.605.411.104	8.591.856.275
Real Estate Project Thai Hoc - Binh Giang (Compensation and site clearance costs)	469.258.988.009	29.801.209.324
Do Nha Residential Area Project - Bac Ninh (Land use rights costs, consulting, supervision management, loan interest)	213.689.123.778	213.308.925.964
Other Real Estate Projects	118.861.237.767	118.177.620.016
Other Works and Projects	17.582.108.256	7.652.854.311
Total	869.873.913.526	452.827.820.934

8. Tangible Fixed Assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Transportation and transmission vehicles	Management tools and equipment	Others fixed assets	Total
Nguyên giá						
01/01/2025	20.309.704.498	49.637.927.378	32.928.872.807	1.779.990.364	34.557.160	104.691.052.207
Purchases during the period	-	-	1.461.747.273	-	-	1.461.747.273
Liquidation, Disposal	-	(5.737.743.710)	(3.136.728.181)	-	-	(8.874.471.891)
30/09/2025	20.309.704.498	43.900.183.668	31.253.891.899	1.779.990.364	34.557.160	97.278.327.589
Accumulated depreciation value						
01/01/2025	17.645.807.792	33.985.699.308	17.356.909.512	1.598.178.515	34.557.160	70.621.152.287
Depreciation for the year	862.350.469	2.334.738.280	2.683.894.150	137.297.480	-	6.018.280.379

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Transportation and transmission vehicles	Management tools and equipment	Others fixed assets	Total
Liquidation, Disposal	-	(5.737.743.710)	(2.718.691.828)	-	-	(8.456.435.538)
30/09/2025	<u>18.508.158.261</u>	<u>30.582.693.878</u>	<u>17.322.111.834</u>	<u>1.735.475.995</u>	<u>34.557.160</u>	<u>68.182.997.128</u>
Remaining value						
01/01/2025	<u>2.663.896.706</u>	<u>15.652.228.070</u>	<u>15.571.963.295</u>	<u>181.811.849</u>	-	<u>34.069.899.920</u>
30/09/2025	<u>1.801.546.237</u>	<u>13.317.489.790</u>	<u>13.931.780.065</u>	<u>44.514.369</u>	-	<u>29.095.330.461</u>

9. Intangible Fixed Assets

Consist of computer software, details as follows:

	Original Cost	Accumulated Amortization	Net Book Value
01/01/2025	919.000.000	510.666.675	408.333.325
Depreciation for the period	-	105.000.003	(105.000.003)
30/09/2025	<u>919.000.000</u>	<u>615.666.678</u>	<u>303.333.322</u>

10. Investment Properties

Investment properties for lease

Represent the value of the property at Sao Do Food Store, Sao Do Ward, Chi Linh City, Hai Duong Province, detailed as follows:

	Original Cost	Accumulated Amortization	Net Book Value
01/01/2025	3.500.000.000	2.296.874.979	1.203.125.021
Depreciation for the period	-	328.124.997	(328.124.997)
30/09/2025	<u>3.500.000.000</u>	<u>2.624.999.976</u>	<u>875.000.024</u>

According to Vietnamese Accounting Standard No. 05 "Investment Properties", the fair value of investment properties at the end of the financial year must be disclosed. However, the Group has not yet determined the fair value of the investment properties due to a lack of necessary conditions for valuation.

11. Short-term Payables to Sellers

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Payables to related parties</i>	<u>500.729.000</u>	-
T&T Hai Duong Petrochemical Company Limited	496.598.000	
Gieng Day Quang Ninh Construction Ceramics Joint Stock Company	4.131.000	-
<i>Payables to other Providers</i>	<u>62.379.475.526</u>	<u>45.267.564.779</u>
Sunfeel Silk Co., Ltd, Phung Tiet District, Chongqing City ⁽ⁱ⁾	7.500.000.000	-
Hyundai Thanh Cong Vietnam Auto Joint Venture Joint Stock Company	24.551.428.720	10.755.295.950
Bac Ninh Construction Joint Stock Company	18.644.202.000	18.644.201.000
Other suppliers	11.683.844.806	15.868.067.829

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Total	62.880.204.526	45.267.564.779

⁽ⁱ⁾ The capital transfer agreement dated May 4, 2025 was signed with Sunfeel Silk Co., Ltd, Phung Tiet District, Chongqing City, at a transfer price of VND 15,000,000,000, equivalent to 35% of the charter capital. During the reporting period, VND 7,500,000,000 was paid, and the remaining amount is to be settled before October 31, 2025.

12. Short-term Advances from Customers

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Binh Bac Construction Investment Co., Ltd	1.837.800.000	-
Thang Long 369 Real Estate Exchange Joint Stock Company	2.736.336.300	-
An Phat NS Construction and Real Estate Joint Stock Company	15.290.495.000	-
Cao Hung Trading and Service One Member Co., Ltd	1.900.000.000	-
Other customers	9.073.049.091	12.625.156.755
Total	30.837.680.391	12.625.156.755

13. Taxes and amounts payable to the State

	01/01/2025		Amounts arising during the period		30/09/2025	
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount paid	Payable	Receivable
VAT on domestic sales	2.585.247.070	-	7.679.708.540	(4.874.900.038)	5.394.073.271	4.017.699
VAT on imported goods	-	-	645.601.455	(645.601.455)	-	-
Corporate income tax	6.892.777.575	-	10.248.407.918	(6.683.248.216)	10.457.937.277	-
Personal income tax	79.916.789	484.300	170.953.188	(197.255.845)	53.129.832	-
Environmental protection tax	19.626.334	-	-	(19.626.334)	-	-
Land and housing tax	-	-	75.883.269	(55.762.509)	20.120.760	-
Business license fee	-	-	20.000.000	(20.000.000)	-	-
Land use fee for the Thai Hoc – Binh Giang project ⁽ⁱ⁾	-	-	436.456.326.502	(70.400.000.000)	366.056.326.502	-
Fees, charges, and other payable amounts	-	-	79.478.266	(79.478.266)	-	-
Total	9.577.567.768	484.300	455.376.359.138	(82.975.872.663)	381.981.587.642	4.017.699

⁽ⁱ⁾ The total land use fee for the investment and construction project of the Thai Hoc Commune Cultural, Sports, Education and New Residential Center, Binh Giang District, jointly implemented by 1369 Construction Joint Stock Company and Hung Phat HD Construction and Trading Investment Joint Stock Company, as stated in Notice No. 4790/TB-CCTKV5 dated June 29, 2025

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

by Tax Sub-department No. 5, and adjusted according to Notice No. 957/TB-HPH dated July 31, 2025 by the Hai Phong City Tax Department, is VND 467,010,715,886. The compensation, support, and voluntary resettlement expenses advanced in advance and deductible from the land use fee amount to VND 30,554,389,380. The remaining amount payable to the state budget is VND 436,456,326,502. As of the end of the reporting period, the Company had paid VND 70,400,000,000 into the state budget.

Value Added Tax (VAT)

The company pays VAT using the credit method, with tax rates of 8% and 10%.

Import and Export Tax

The company declares and pays according to the Customs notification.

Corporate Income Tax

The company is required to pay corporate income tax on taxable income at a tax rate of 20%.

The determination of the corporate income tax payable by the company is based on the current tax regulations. However, these regulations change periodically, and tax provisions for various types of transactions may be interpreted in different ways. Therefore, the tax amount presented in the consolidated financial statements may change upon review by the tax authorities.

Other Taxes

The company declares and pays taxes in accordance with regulations.

14. Accrued Expenses

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Accrued Interest Expenses	496.724.844	524.320.645
Accrued Construction Costs	-	3.188.537.962
Total	496.724.844	3.712.858.607

15. Short-term unearned revenue

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Advance revenue	7.500.000	-
Residential Area Project in Ca Dong Coi Hamlet, Thuan Thanh District, Bac Ninh Province – payments made by customers according to the progress of contracts for future-formed housing	7.192.622.785	-
Total	7.200.122.785	-

16. Other short-term payables

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Capital contribution received from Hung Phat HD Construction and Trading Investment Joint Stock Company (i)	43.500.000.000	-
Other short-term payables	408.702.906	233.888.117
Total	43.908.702.906	233.888.117

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

- (i) The capital contribution received from Hung Phat HD Construction and Trading Investment Joint Stock Company to implement the Investment Project for the Construction of the Cultural, Sports, Educational, and New Residential Center in Thai Hoc Commune, Binh Giang District, in accordance with the joint venture agreement dated April 10, 2020, signed between 1369 Construction Joint Stock Company and Hung Phat HD Construction and Trading Investment Joint Stock Company. The parties agreed to contribute capital to the project on a 50/50 basis.

17. Borrowings**17a. Short-term Borrowings**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Short-term loan from related parties</i>	2.711.600.000	3.545.000.000
Mr Le Anh Luan	2.711.600.000	960.000.000
Mrs Pham Thi Thu	-	2.585.000.000
<i>Short-term bank borrowings</i>	162.423.356.229	241.750.339.157
Agricultural and Rural Development Bank of Vietnam - Hai Duong Branch	21.814.449.812	22.524.721.749
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Hai Duong Branch	24.022.172.425	14.747.563.326
Vietnam Military Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	10.265.908.422	19.843.122.989
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Thanh Dong Branch	27.138.351.261	75.994.763.277
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade - Thang Long Branch	21.860.654.760	19.997.414.800
Asia Commercial Joint Stock Bank - Hai Duong Branch	9.582.294.386	9.372.509.111
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	1.484.936.958	4.000.000.000
Vietnam International Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	1.300.000.000	2.788.574.869
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	27.662.348.750	58.223.678.496
Prosperity and Development Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	17.292.239.455	14.257.990.540
<i>Loan from Thang Long 369 Real Estate Exchange Joint Stock Company</i>	6.100.000.000	6.100.000.000
<i>Short-term loan from individuals</i>	-	4.000.000.000
<i>Long-term loan due for repayment</i>	264.000.000	12.467.211.640
Vietnam Joint Stock Commercial Bank - Hai Duong Branch	264.000.000	264.000.000
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Long Bien Branch	-	12.203.211.640
Total	171.498.956.229	267.862.550.797

The Group is able to repay the short-term loans.

17b. Long-term loan

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vietnam Joint Stock Commercial Bank- Hai Duong Branch	272.000.000	470.000.000
Total	272.000.000	470.000.000

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

The Group is able to repay the long-term loans.

18. Reward and Welfare Fund

The Company only maintains a welfare fund. Details of its movements are as follows:

	Current period	Previous period
Beginning balance	164.803.870	215.663.870
Increase due to allocation from profits	300.000.000	300.000.000
Fund expenditures	(101.400.000)	(350.860.000)
Ending balance	363.403.870	164.803.870

19. Equity capital**19a. Statement of changes in equity**

	Owner's contributed capital	Development investment fund	Undistributed after-tax profit	Non-controlling interest	Total
Previous beginning balance	617.999.720.000	2.000.000.000	36.220.736.359	172.573.443.439	828.793.899.798
Profit for the previous period	-	-	9.886.315.791	2.215.415.641	12.101.731.432
Remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board			(600.000.000)		(600.000.000)
Appropriation to reserves		500.000.000	(800.000.000)		(300.000.000)
Ending balance of the previous year	617.999.720.000	2.500.000.000	44.707.052.150	174.788.859.080	839.995.631.230
Beginning balance of this period	617.999.720.000	2.500.000.000	51.733.500.353	177.519.211.110	849.752.431.463
Profit for the current period	-	-	37.330.605.503	1.898.897.193	39.229.502.696
Remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board			(600.000.000)		(600.000.000)
Appropriation to reserves		500.000.000	(800.000.000)		(300.000.000)
Ending balance of this period	617.999.720.000	3.000.000.000	87.664.105.856	179.418.108.303	888.081.934.159

19b. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Registered number of shares to be issued	61.799.972	61.799.972
Number of common shares sold	61.799.972	61.799.972
Number of common shares outstanding	61.799.972	61.799.972

Par value of outstanding shares: 10,000 VND.

VI. SUPPLEMENTARY INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of goods and provision of services**

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Revenue from sales of goods	129.026.963.775	261.225.303.093
Revenue from provision of services	14.096.834.695	15.107.188.103
Revenue from real estate business	26.602.127.843	2.432.896.502
Revenue from construction contracts	1.881.410.220	7.288.935.184
Other revenue	573.109.526	375.917.201
Total	172.180.446.059	286.430.240.083
2. Cost of goods sold (COGS)		
	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Cost of goods sold (COGS) for goods	126.150.178.678	258.957.838.880
Cost of services provided	8.769.425.010	8.814.558.822
Cost of real estate business	19.634.011.693	1.925.953.883
Cost of construction contracts	1.607.135.857	6.301.954.778
Total	156.160.751.238	276.000.306.363
3. Financial Income		
	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Interest on deposits and loans	2.558.573.077	1.734.683.567
Interest from investment entrustment	642.630.138	593.972.602
Foreign exchange gains from revaluation of foreign currency-denominated monetary items	37.555	6.742.408
Other financial income	9.666.345	1.158.676.047
Total	3.210.907.115	3.494.074.624
4. Financial expenses		
	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Loan interest expense	2.879.369.972	3.277.604.198
Exchange loss incurred	-	81.483.942
Other financial expense	232.432.559	254.312.991
Total	3.111.802.531	3.613.401.131
5. Selling expenses		
	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Other expense	1.787.903.517	1.569.866.747
Total	1.787.903.517	1.569.866.747
6. Enterprise management expenses		

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025*Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)*

	From 01/07/2025 to 30/09/2025 VND	From 01/07/2024 to 30/09/2024 VND
Corporate management expenses	5.390.495.874	4.624.510.268
Amortization of goodwill during the period	103.356.537	103.356.537
Total	5.493.852.411	4.727.866.805

VII. OTHER INFORMATION**1. Subsequent Events after the end of the financial period**

There were no other significant events occurring after the end of the financial period from July 1, 2025 to September 30, 2025 that require adjustment of figures or disclosure in the Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025.

2. Credit Risk

Credit risk is the risk that a counterparty will not meet its contractual obligations, resulting in a financial loss for the Company.

The Company is exposed to credit risk from its business operations (mainly trade receivables) and financial activities (bank deposits, loans, and other financial instruments).

3. Trade Receivables

The Company mitigates credit risk by dealing only with counterparties with good financial standing, and its accounting staff regularly monitors receivables to expedite collections. Based on this approach and the fact that the Company's receivables are diversified among various customers, credit risk is not concentrated in any single customer.

4. Market Risk

Market risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in market prices.

Market risks related to the Company's operations include foreign exchange risk and interest rate risk. The sensitivity analyses presented below are based on the net debt position, assuming that the ratio between fixed-rate and floating-rate debt remains unchanged.

5. Interest Rate Risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in market interest rates.

The Company's interest rate risk mainly relates to cash, short-term deposits, and borrowings.

The Company manages interest rate risk by analyzing market conditions to secure the most favorable interest rates while remaining within its risk management limits.

The Company does not perform sensitivity analysis for interest rates because the risk from interest rate fluctuations at the reporting date is considered insignificant.

1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Address: No 37, 38 Da Tuong street, Le Thanh Nghi ward, Hai Phong city.

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR Q3/2025

Notes to the Consolidated Financial Statements for Q3/2025 (continue)

Prepared on October 29, 2025

Prepared by



Pham Ngoc Diep

Chief Accountant



Tran Thi Tuyen

CEO (Chief Executive Officer)



Le Tuan Nghia

